|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG  VIỆT NAM LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH NINH THUẬN Số: 430/LĐLĐ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc   *Ninh Thuận, ngày 27 tháng 11 năm 2019* | |
| V/v đôn đốc chỉ đạo tổ chức Hội nghị cán bộ công chức, viên chức, người lao động và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2020 | | |  |

**Kính gửi:**

**- Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố;**

**- Công đoàn ngành;**

**- Công đoàn Các khu công nghiệp tỉnh.**

Thực hiện Công văn số 4692/UBND-VXNV ngày 12/11/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc tổ chức Hội nghị cán bộ công chức, viên chức và người lao động năm 2020. Kế hoạch số 39-KH/BCĐ ngày 08/5/2019 của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế ở cơ sở về việc Kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2019; Hướng dẫn số 21/HD-LĐLĐ ngày 31/10/2019 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh về việc Công đoàn tham gia xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.

Để đảm bảo chất lượng, tiến độ thời gian tổ chức hội nghị cán bộ công chức, viên chức và người lao động năm 2020, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh yêu cầu LĐLĐ các huyện, thành phố, Công đoàn ngành, Công đoàn Các khu công nghiệp thực hiện tốt một số nội dung như sau:

**1.** Tập trung hơn nữa trong công tác chỉ đạo; chủ động phối hợp với chính quyền cùng cấp, chuẩn bị nội dung, tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, Hội nghị người lao động năm 2020. Cụ thể như sau:

a. Đối với Hội nghị cán bộ công chức, viên chức:

- Thời gian tổ chức chậm nhất vào cuối tháng 12/2019;

- Nội dung và tổ chức Hội nghị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ; Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ Nội vụ và Hướng dẫn số 21/HD-LĐLĐ ngày 31/10/2019 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh về việc Công đoàn tham gia xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.

- Thống kê, cập nhật số liệu báo cáo kết quả về Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Ban Công tác cơ sở) **trước ngày 05/01/2020.**

b. Đối với Hội nghị người lao động:

- Thời gian tổ chức: Theo Quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc của doanh nghiệp. Tuy nhiên, có thể đề xuất với người sử dụng lao động tổ chức hội nghị người lao động vào quý I hàng năm để phát huy quyền dân chủ của người lao động tại doanh nghiệp, trong việc đánh giá kết quả hoạt động năm triển khai và đề xuất giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm công tác mới. Đối với công ty cổ phần, thời điểm tổ chức nên trước đại hội cổ đông để người lao động có thể kiến nghị những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của chủ sở hữu và được trình, giải quyết kịp thời tại đại hội đồng cổ đông của doanh nghiệp.

- Nội dung và tổ chức Hội nghị thực hiện theo quy định tại Nghị định 149/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ và Hướng dẫn số 21/HD-LĐLĐ ngày 31/10/2019 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh về việc Công đoàn tham gia xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.

- Thống kê, cập nhật số liệu báo cáo kết quả về Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Ban Công tác cơ sở) **trước ngày 03/4/2020.**

**2.** Tiếp tục chỉ đạo công đoàn cơ sở chủ động đề xuất với thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người sử dụng lao động xây dựng Quy chế dân chủ, trong đó có các quy định về việc tổ chức hội nghị cán bộ công chức, người lao động và đối thoại tại nơi làm việc phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và tổ chức hội nghị người lao đông, tổ chức đối thoại định kỳ theo quy định.

**3.** Hướng dẫn công đoàn cơ sở sau khi tổ chức hội nghị cán bộ công chức, hội nghị người lao động, tổ chức đối thoại định kỳ, gửi Nghị quyết (hoặc biên bản) hội nghị, biên bản đối thoại theo quy định.

**4.** Báo cáo định kỳ kết quả xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2020 gửi về LĐLĐ tỉnh (qua Ban Công tác Cơ sở) **06 tháng trước ngày 31/5/2020,** **tổng kết năm trước ngày 30/10/2020** đồng thời gửi mail về [banctcsldldtinh@gmail.com](mailto:banctcsldldtinh@gmail.com) *(Đính kèm đề cương báo cáo và Bảng phụ lục số liệu)*.

Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh yêu cầu LĐLĐ các huyện, thành phố, Công đoàn Ngành, Công đoàn Các khu Công nghiệp tỉnh thực hiện tốt những vấn đề nêu trên, góp phần hoàn thành chỉ tiêu chung của LĐLĐ tỉnh*./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thường trực LĐLĐ tỉnh;  - Website LĐLĐ tỉnh;  - Lưu: VT, Ban CTCS. | **TM. BAN THƯỜNG VỤ**  **CHỦ TỊCH**  ***Đã ký***  **Trần Văn Đông** |

|  |  |
| --- | --- |
| LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNHNINH THUẬN ............................  Số: /LĐLĐ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc   *…………….., ngày tháng năm 2020* |

**ĐỀ CƯƠNG**

**Báo cáo kết quả việc xây dựng và thực hiện**

**quy chế dân chủ ở cơ sở năm …….., nhiệm vụ trọng tâm năm ……..**

*(Kèm theo Công văn số /LĐLĐ, ngày / /2019)*

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ VIỆC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN**

**QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ NĂM …….**

**I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA CẤP ỦY, CHÍNH QUYỀN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ**

**1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở của cấp ủy và chính quyền**

- Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong chỉ đạọ thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong phạm vi phân cấp quản lý.

**2. Hoạt động của LĐLĐ huyện, thành phố, Công đoàn ngành, Công đoàn các Khu công nghiệp trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở**

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Kết quả thực hiện giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI về *“Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”, “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị* - *xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”,*

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CÁC LOẠI HÌNH CƠ SỞ**

**2. Kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở**

***2.1 Công đoàn tham gia xây dựng và thực hiện QCDC:***

***2.2 Tổ chức Hội nghị CBCC, Hội nghị Người lao động***

***a. Đối với cơ quan hành chính, sự nghiệp***

***b. Tổ chức Hội nghị Người lao động***

**2.3 *Tổ chức đối thoại tại nơi làm việc***

**2.4 *Về thương lượng tập thể, ký kết thỏa ước lao động tập thể***

**2.5 *Về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân:***

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Đánh giá kết quả đạt được trong việc tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện QCDC ở cơ sở.**

**2. Vai trò của Công đoàn trong việc thực hiện QCDC ở cơ sở.**

**3. Những tồn tại, hạn chế.**

**IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

- Kiến nghị, đề xuất nhằm tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng và hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Những bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện quy chế dân chủ trong các loại hình cơ sở và kiến nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

**Phần thứ hai**

**NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM…….**

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị và các nhiệm vụ đã đề ra để xác định các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2020.

**PHỤ LỤC**

**Báo cáo số liệu về kết quả thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc**

*(Kèm công văn số /LĐLĐ, ngày tháng năm 2019 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG CHỈ TIÊU** | **ĐƠN VỊ TÍNH** | **TỔNG SỐ** |
| **1** | **Tuyên truyền, tập huấn quy chế DCCC** |  |  |
|  | - Số đơn vị cơ sở có tổ chức học tập, tập huấn xây dựng, thực hiện quy chế dân chủ | đơn vị |  |
|  | - Số lớp tập huấn, học tập quy chế dân chủ | lớp |  |
|  | - Số người tham dự học tập, tập huấn | người |  |
| **2** | **Xây dựng quy chế quy chế dân chủ cơ sở** |  |  |
|  | Tổng số DN thuộc đối tượng xây dựng và thực hiện QCDC, trong đó: | đơn vị |  |
|  | - Số doanh nghiệp có xây dựng quy chế dân chủ. | đơn vị |  |
|  | - Số doanh nghiệp có quy chế phối hợp công tác cấp ủy, chính quyền, công đoàn: | đơn vị |  |
| **3** | **Tổ chức Hội nghị NLĐ** |  |  |
|  | - Tổng số doanh nghiệp | DN |  |
|  | - Tổng số doanh nghiệp nhà nước tổ chức hội nghị NLĐ | DN |  |
|  | - Tổng số Cty cổ phần, Cty TNHH tổ chức hội nghị NLĐ | DN |  |
|  | + Số Cty cổ phần, Cty TNHH có tổ chức công đoàn tổ chức hội nghị NLĐ | DN |  |
|  | + Số Cty cổ phần, Cty TNHH chưa có tổ chức công đoàn tổ chức hội nghị NLĐ | DN |  |
|  | + Tổng số các loại hình doanh nghiệp khác tổ chức hội nghị NLĐ | DN |  |
|  | + Số doanh nghiệp đã ký kết TƯLĐTT | bản |  |
| **4** | **Tổ chức và hoạt động Ban thanh tra nhân dân** |  |  |
|  | - Số doanh nghiệp thuộc đối tượng phải thành lập Ban Thanh tra nhân dân | đơn vị |  |
|  | - Số doanh nghiệp có thành lập Ban thanh tra nhân dân | đơn vị |  |
| **5** | **Giải quyết đơn thư khiếu nại của cán bộ, công chức, viên chức, NLĐ** |  |  |
|  | - Số đơn, thư nhận được | cái |  |
|  | - Số đơn, thư đã giải quyết | cái |  |
|  | - Số đơn, thư chuyển cho cơ quan khác giải quyết | cái |  |
| **6** | **Tranh chấp lao động, ngừng việc tập thể, đình công** | cuộc |  |
|  | - Số cuộc tranh chấp lao động, đình công và ngừng việc tập thể trong phạm vi quản lý. | cuộc |  |

**Mẫu số 1**

**BẢNG TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ TỔ CHỨC HỘI NGHỊ CBCC, VC; HỘI NGHỊ NLĐ NĂM 2019**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị** | **Tổng số**  *(ĐV: đơn vị; TC: tổ chức)* | | | | **Hội nghị người lao động** | | | **Hội nghị CBCC,VC** | | | **Hội nghị CBCC,VC phân theo các khối** | | | | | |
| **Hành chính sự nghiệp** | | | **Giáo dục công lập** | | |
| Tổng số | Số ĐV | Số ĐV | Tỷ lệ | Số ĐV | Số ĐV | Tỷ lệ | Số ĐV | Số ĐV | Tỷ lệ | Số ĐV | Số ĐV | Tỷ lệ | Số ĐV | Số ĐV | Tỷ lệ |
| ĐV | Phải TC | Đã TC | (%) | Phải TC | Đã TC | (%) | Phải TC | Đã TC | (%) | Phải TC | Đã TC | (%) | Phải TC | Đã TC | (%) |
|  | Ví dụ LĐLĐ huyện A | 500 | 400 | 250 | 62,5 | 100 | 80 | 80 | 98 | 98 | 100 | 49 | 49 | 100 | 49 | 49 | 100 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ TẠI NƠI LÀM VIỆC**

**Lưu ý**: Dưới đây là số liệu các đơn vị đã báo cáo đến thời điểm tháng 4/2019 đề nghị các đơn vị rà soát lại nếu có thay đổi ở mục nào thi bôi đỏ sửa số liệu và gửi mail về ban CTCS địa chỉ: [banctcsldldtinh@gmail.com](mailto:banctcsldldtinh@gmail.com). Xin cảm ơn!

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tiêu chí** | **Đơn vi tính** | **Kỳ trước liền kề** | **Kỳ báo cáo** | **Viên chức** | **Y tế** | **Giáo dục** | **KCN** | **Ninh Hải** | **Ninh Sơn** | **Thuận Bắc** | **Thuận Nam** | **Ninh Phước** | **Bác Ái** | **TP PR -TC** |
| ***1*** | ***Công tác tuyên truyền, tập huấn quy định mới*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Số lớp (cuộc) tập huấn | lớp |  |  | **77** | **20** | **29** |  | **2** | **1** | **1** | **4** | **1** | **12** | **2** |
| 1.2 | Số người tham gia | người |  |  | **3302** | **1351** |  | **1742** | **135** | **110** | **50** | **200** | **273** | **1540** | **281** |
| ***2*** | ***Xây dựng quy chế dân chủ*** | ***quy chế*** |  |  | **0** | **1** | **1** | **27** | **3** | **1** | **1** |  | **6** | **2** | **30** |
| 2.1 | Xây dựng quy chế mới | quy chế |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Sửa đổi, bổ sung quy chế | quy chế |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Quy chế tổ chức Hội nghị NLĐ | quy chế |  |  |  | **1** |  | **24** | **5** | **1** |  | **2** | **5** | **2** |  |
| 2.4 | Quy chế đối thoại | Quy chế |  |  |  | **1** |  | **24** | **1** |  |  | **2** | **4** |  |  |
| ***3*** | ***Tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức*** | **Đv** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Tổng số đơn vị thuộc đối tượng thực hiện | Đv |  |  | **76** | **14** | **27** | **2** | **105** | **100** | **67** | **87** | **105** | **87** |  |
| 3.2 | Số đơn vị đã tổ chức Hội nghị CBCC | Đv |  |  | **68** | **14** | **27** | **2** | **105** | **100** | **67** | **87** | **105** | **87** |  |
|  | Hành chính sự nghiệp |  |  |  | **47** | **3** | **2** | **2** | **58** | **59** | **44** | **57** | **50** | **54** |  |
|  | Giáo dục công lập |  |  |  |  |  | **25** |  | **43** | **41** | **23** | **30** | **55** | **33** |  |
| ***4*** | ***Tổ chức Hội nghị người lao động (NLĐ)*** | ***DN*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **46** |
| 4.1 | Tổng số DN thuộc đối tượng thực hiện, trong đó: | DN |  |  |  |  | **2** | **2** | **30** | **10** | **7** | **7** | **7** | **10** | **3** |
| a | Tổng số DNNN | DN |  |  |  |  |  | **2** | **1** |  |  |  |  | **1** |  |
| b | Tổng số DN dân doanh | DN |  |  |  | **2** | **1** | **27** | **8** | **5** | **6** | **4** | **5** | **2** |  |
| c | Tổng số DN.FDI | DN |  |  |  |  |  | **1** | **2** | **1** | **1** | **2** | **5** |  |  |
| d | Hợp tác xã | HTX |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** | **1** |  | **1** |
| đ | Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập | Đv |  |  |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | **3** |
| 4.2 | Tổng số DN tổ chức Hội nghị NLĐ | DN |  |  |  | **2** | **2** | **6** | **7** | **6** | **2** | **7** | **7** | **2** | **46** |
| a | Đối với DNNN | DN |  |  |  |  |  | **2** |  | **1** |  |  |  | **1** |  |
| b | Đối với DN dân doanh | DN |  |  |  | **1** | **1** | **4** | **6** | **5** | **2** | **4** |  | **1** |  |
| c | Đối với DN.FDI | DN |  |  |  |  |  |  | **1** |  |  | **2** | **5** |  |  |
| d | Đối với HTX | HTX |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** | **2** |  |
| đ | Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập | Đv |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***5*** | ***Tổ chức đối thoại tại DN*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **30** |
| a | Đối thoại định kỳ | Cuộc |  |  |  | **4** |  | **72** | **5** |  | **2** | **5** | **4** | **1** |  |
| b | Đối thoại đột xuất | Cuộc |  |  |  |  |  | **12** | **1** |  |  |  | **2** |  |  |
| ***6*** | ***Hoạt động Ban thanh tra nhân dân*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6.1 | Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phải có Ban Thanh tra nhân dân | ***Đv*** |  |  | **77** | **19** | **27** | **4** | **67** | **70** | **43** | **51** | **77** | **63** | **103** |
| 6.2 | Số Ban TTND có đến thời điểm báo cáo | BTTr |  |  | **77** | **19** | **27** | **4** | **67** | **70** | **43** | **51** | **77** | **60** | **103** |
| 6.2 | Kết quả hoạt động | BTTr |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| a | Tốt | BTTr |  |  | **68** | **16** | **27** | **4** | **63** | **56** | **10** | **5** | **35** | **6** |  |
| b | Khá | BTTr |  |  | **9** | **3** |  |  | **4** | **12** | **33** | **22** | **30** | **12** |  |
| c | Trung bình | BTTr |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **24** | **12** | **42** |  |
| ***7*** | ***Quan hệ lao động*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7.1 | Số doanh nghiệp có Thỏa ước lao động tập thể | Cái |  |  |  | **1** | **2** | **25** | **5** | **2** | **2** | **3** | **6** | **1** | **30** |
| 7.2 | Số cuộc đình công xảy ra trong kỳ báo cáo | Cuộc |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |